

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2024
“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Mên

2. Ông Huỳnh Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh: Ông Lý Phước Bền, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai với hình thức trực tuyến tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh vụ án thụ lý số 229/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 14/5/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Quốc T, sinh ngày 27/11/1982. Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở hiện nay: Ấp K, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Có mặt;

Bị đơn: Chị Thạch Thị Cu L, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt;

Con chung của anh T, chị L: Lê Hào Q, sinh ngày 12/8/2015, có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Lê Quốc T trình bày và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Anh và chị Thạch Thị Cu L quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào năm 2015. Sau khi kết hôn sống tại ấp C, xã T, huyện C, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung bỏ mặc nhau, mạnh ai nấy

sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, thời gian ly thân không ai nói chuyện đến ai, nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu ly hôn với chị L.

- Về con chung tên Lê Hào Q, sinh ngày 12/8/2015, trong thời gian ly thân anh T nuôi, nay con theo ai người đó nuôi, không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà bị đơn chị Thạch Thị H bbbbbCu Lạp trình bày và có yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Chị và anh T quen biết nhau gần một năm mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, lúc đầu do cha mẹ chị không chấp nhận anh T nên không tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống ở ấp C, xã T. Vợ chồng sống với nhau được 08 năm thì phát sinh ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T có quen với người phụ nữ khác, chị nói thì anh T chửi chị, vợ chồng cự cãi, anh T lấy dao rượt chị, chị bỏ chạy, chị nói có đi thì đi luôn đi, sau đó anh T bỏ đi và bắt con theo sống bên cha mẹ chồng tại ấp K, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không gặp nhau để bàn bạc việc đoàn tụ. Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Hào Q, sinh ngày 12/8/2015, hiện tại anh T đang nuôi. Hiện tại chị không còn thương chồng nữa, nên chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của anh T.

- Về con chung: Chị L yêu cầu nuôi, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng đến khi con 18 tuổi, tại phiên toà chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên toà Lê Hào Q, sinh ngày 12/8/2015 có nguyện vọng được sống chung với chị L khi cha mẹ ly hôn.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận anh T ly hôn chị L. Về con chung: Lê Hào Q, sinh ngày 12/8/2015 hiện tại đang sống chung với anh T, tuy nhiên tại phiên toà Lê Hào Q, có nguyện vọng sống chung với chị L, phía chị L có yêu cầu nuôi con chung, anh T chấp nhận cho chị L nuôi con theo nguyện vọng của con nên đề nghị căn cứ Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình giao con cho chị L nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tại Toà chị L không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung anh T và chị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Anh Tú phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa anh T và chị L là tranh chấp về ly hôn và nuôi con; bị đơn đang cư trú tại huyện C, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về hôn nhân: Anh Tú và chị L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào năm 2015 là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của anh T và chị L là hợp pháp.

Xét yêu cầu của anh T xin ly hôn chị L, theo lời khai của anh T, chị L tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay thì sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc cho đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn vợ chồng cự cãi nhau, anh T bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống đến nay khoảng 01 năm, thời gian ly thân vợ chồng không gặp nhau bàn bạc việc đoàn tụ, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, chị L cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên anh T xin ly hôn thì chị chấp nhận ly hôn. Việc anh T và chị L tự nguyện ly hôn là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Lê Hào Q, sinh ngày 12/8/2015, hiện tại đang sống chung với anh T, tuy nhiên tại phiên tòa Lê Hào Q, có nguyện vọng sống chung với chị L, phía chị L có yêu cầu nuôi con chung, anh T chấp nhận cho chị L nuôi con theo nguyện vọng của con nên giao con cho chị L nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa chị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, về nợ chung: Anh Tú, chị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Tú phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

[6] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Lê Quốc T ly hôn chị Thạch Thị Cu L.
- Về con chung: Giao con tên Lê Hào Q sinh ngày 12/8/2015 cho chị Thạch Thị Cu L trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Lê Quốc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung : Chị L không yêu cầu giải quyết nên không xét.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Anh Tú và chị L không yêu cầu giải quyết nên không xét.

- Về án phí: Anh Lê Quốc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu 0001204 số ngày 01/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Anh Tú đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- UBND xã Thạnh Hoà Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tranh